TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 366/2019/QĐST - HNGĐ	*Chợ Lách, ngày 11 tháng 10 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn:

Anh Trần Chí L, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

Chị Lê Nguyễn Phương T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị V, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Chí L và chị Lê Nguyễn Phương T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:*

Chị Lê Nguyễn Phương T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Thanh X, sinh ngày 05/4/2006 và Trần Xuân M, sinh ngày 05/4/2008, hiện cháu X và cháu M đang sống với chị T. Sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Anh Trần Chí L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tính từ tháng 10/2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của anh L, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

** Về tài sản chung:*

- Anh Trần Chí L được trọn quyền sử dụng phần đất diện tích 550m^2 thuộc một phần thửa đất số 296, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đất có tứ cận như sau:

+ Bắc, Tây giáp thửa 282 của Nguyễn Văn Dũng;

+ Nam giáp đường;

+ Đông giáp thửa 296 phần còn lại.

(Có họa đồ kèm theo).

- Chị Lê Nguyễn Phương T có trách nhiệm giao lại cho anh L một cái giường, một bộ ghế sa lông, một tủ lạnh, một máy giặt. Anh L được trọn quyền sở hữu các tài sản trên.

- Chị Lê Nguyễn Phương T được trọn quyền sử dụng phần đất diện tích 663,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 296, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đất có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 282 của Nguyễn Văn Dũng;

+ Nam giáp đường;

+ Tây giáp thửa 296 tách.

+ Đông giáp thửa 434 của Nguyễn Văn Nghĩa.

(Có họa đồ kèm theo).

- Chị Lê Nguyễn Phương T được trọn quyền sở hữu một ngôi nhà, một trại gà, một nhà tiền chế trên phần đất có diện tích 663,1m^2 nêu trên.

Anh L, chị T có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định.

- Chị T có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* *Về nợ chung*: Hai bên khai không có nên không xem xét.

** Về án phí:*

- Anh Trần Chí L tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm; phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và phải chịu 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000735 và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000734 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Anh L phải nộp tiếp số tiền án phí là 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị T phải chịu án phí chia tài sản là 10.653.000đ (Mười triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

* *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 3.900.000 đồng, anh L và chị T mỗi người phải chịu số tiền là 1.950.000 đồng. Do chị T đã nộp xong số tiền 3.900.000 đồng nên anh L có trách nhiệm trả lại cho chị T số tiền 1.950.000đ (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu